TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 306/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 13 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn" giữa:

* Nguyên đơn: Ông Trần Đức P, sinh năm 1993,

Địa chỉ: số 72 Lô 2 Cư xá D, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ nơi ở: Số 563/90 đường C, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Trịnh Thùy D, sinh năm 1998,

Địa chỉ: 165/13 đường N, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Trần Đức P, sinh năm 1993 và bà Nguyễn Trịnh Thùy D, sinh năm 1998.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức P và bà Nguyễn Trịnh Thùy D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 02/6/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp luật kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

2.2. Về con chung: Không có

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng do ông Trần Đức P tự nguyện nộp nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012471 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông P và bà D đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Đức P số tiền chênh lệch 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012471 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường 10, quận 6, Tp.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Oánh